

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2019/HSST

Ngày 13/8/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Hữu Dân
2. Ông Nguyễn Công Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Duy Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 194/2019/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **PHẠM XUÂN Đ**, Sinh ngày 06 tháng 6 năm 1988; Tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Liên Gia 8, tổ dân phố 4, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn D, sinh năm 1967 và con bà Hoàng Thị N (đã chết). Hiện trú tại: Liên Gia 8, tổ dân phố 4, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 01/8/2008, bị Tòa án nhân dân Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo bản án số 112/HSST.

- Ngày 03/9/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 223/HSST. Ngày 21/8/2015 chấp hành xong hình phạt, bị can đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/4/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột – Có mặt.

2. Họ và tên: **LÊ HỒNG V (Tên gọi khác: V)**, Sinh ngày 20 tháng 11 năm 1989; Tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký tạm trú: 501/01 L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hữu L, sinh năm: 1948. Hiện trú tại: Thôn H, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và con bà Đỗ Thị Di C, sinh năm 1957. Hiện trú tại: 501/01 L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 31/8/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” tại Bản án số 328/HSPT.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/4/2019, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột – Có mặt.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1980. Địa chỉ: 179/1 Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1977. Địa chỉ: 25 D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 4, Tổ dân phố 3, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt

3. Anh Trương Vĩnh T, sinh năm 1994. Địa chỉ: 27/6 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

4. Anh Lê Đại D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn 3, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt

5. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1950. Địa chỉ: Tổ 4, Tổ dân phố 3, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Hứa Phi D, sinh năm 1987. Địa chỉ: 119 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Xuân Đ là người không có nghề nghiệp, nghiện chất ma túy nên nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản của người dân bán lấy tiền mua chất ma túy sử dụng và tiêu xài

cá nhân. Vào khoảng 05 giờ 30 phút ngày 30/3/2019, Đ mang theo 01 bộ vạm phá khóa xe hình chữ L, dài 8cm nhờ anh Trương Vĩnh T điều khiển xe mô tô hiệu Dream, biển số 47B1 - 72773 chở đến nhà bạn của Đ trên đường T, phường T, thành phố B. Khi đi ngang qua ngôi nhà đang sửa chữa của bà Nguyễn Thị Kim A tại địa chỉ số: 109 đường T, Đ nói T dừng xe lại cho Đ xuống. Sau khi T quay xe đi về, Đ quan sát thấy trong phòng khách nhà bà Kim A có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 47M5 – 3439, bên trong nhà không có người, cửa cổng không khóa, nên Đ lén lút đi vào trong phòng khách, dùng vạm phá khóa bằng kim loại hình chữ L bẻ ổ khóa điện xe nhưng không được nên Đ dắt xe ra ngoài đường, cách vị trí của ngôi nhà trên khoảng 10m, rồi dùng điện thoại di động nhờ T đến đây xe giúp nhưng T không đến. Đ gọi điện thoại nhờ Lê Hồng V, V đồng ý mượn xe mô tô biển số 47B1 – 72773 của T đến cùng Đ đẩy chiếc xe mô tô ra đến đường V, phường T. Thấy Đ dùng vạm phá khóa bẻ ổ khóa điện xe, V hỏi Đ về nguồn gốc chiếc xe trên thì Đ nói cho V biết chiếc xe này Đ vừa trộm cắp được tại đường T. Sau đó, Đ đưa chiếc xe mô tô đến giấu tại nhà nghỉ Tr Viên trên đường V, phường K, thành phố B. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, Đ gọi điện thoại nhờ V tìm nơi tiêu thụ chiếc xe. Sau đó V nói Đ đem xe đến gửi tại nhà Lê Đại D ở Thôn 3, xã H, thành phố B. D hỏi nguồn gốc xe mô tô biển số 47M5 – 3439 thì V nói là mua lại của người khác và xe không có giấy tờ. Do không có xe đi lại nên D hỏi mua chiếc xe thì V nói giá 3.000.000đ, D nói V đưa số tài khoản ngân hàng rồi D nhờ Trần Trung K chuyển khoản số tiền 3.000.000đ vào tài khoản của V mở tại ngân hàng Agribank Chi nhánh Bắc Đắc Lắc. Đến sáng ngày 01/4/2019, V ra cây ATM rút số tiền 3.000.000đ rồi cùng với Đ mua chất ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 87/KLĐG ngày 19/4/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 Xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Wave, màu vàng – đen – bạc, biển số 47M5 – 3439, dung tích 97 cm³, số máy: 09E6584065, số khung: 09096Y584907 (đã qua sử dụng), trị giá: 5.700.000đ.

Tại bản cáo trạng số 210/CT-VKS ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Phạm Xuân Đ, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Lê Hồng V về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra, cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng số 210/CT-VKS ngày 16 tháng 7 năm 2019, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo Lê Hồng V phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Phạm Xuân Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 02/4/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Lê Hồng V từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/4/2019.

* Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tổ tụng hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Kim H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết;

- Chấp nhận anh Lê Đại D đã không yêu cầu các bị cáo Phạm Xuân Đ và Lê Hồng V phải bồi thường số tiền 3.000.000đ mà anh D dùng mua xe mô tô biển số 47M5 – 3439.

Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Wave, màu vàng – đen – bạc, biển số 47M5 – 3439, quá trình điều tra xác định thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Kim H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà H là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng là phù hợp.

- Đối với 01 vạm phá khóa bằng kim loại hình chữ L, dài 8cm là là vật chứng liên quan đến vụ án cần tuyên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, gắn sim số 0944142421 bị vỡ màn hình số Imei 358757050184137 của bị cáo Vũ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar, màu vàng số Imei 352242025467285 gắn sim số 0935730184 của bị cáo Đ, quá trình điều tra xác định có liên quan đến vụ án nên cần tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei 3573430850091265 thu giữ của bị cáo V, kết quả điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị can V nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công án thi hành án dân sự.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu xanh, số Imei 354975085457823 thu giữ của Lê Đại D, quá trình điều tra xác định không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho D nhận quản lý, sử dụng.

- Đối với số tiền 3.000.000đ của các bị cáo Phạm Xuân Đ và Lê Hồng V, số tiền này các bị cáo có được từ hành vi phạm tội mà có, do đó cần truy để sung công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo Phạm Xuân Đ và anh Lê Hồng V không có ý kiến tranh luận gì thêm chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào khoảng 05 giờ 30 phút ngày 30 tháng 3 năm 2019, tại: số nhà 109 đường T, phường T, thành phố B, Phạm Xuân Đ đã trộm cắp 01 xe mô tô biển số 47M5-3439 của chị Nguyễn Thị Kim H trị giá chiếc xe là 5.700.000 đồng, sau đó mang chiếc xe mô tô trên nhờ bị cáo Lê Hồng V tìm người mua chiếc xe.

Đối với Lê Hồng V mặc dù biết chiếc xe mô tô biển số 47M5-3439 do bị cáo Đ phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý giúp Đ mang chiếc xe bán cho anh Lê Đại D để thu lợi bất chính với số tiền là 3.000.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[2]. Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, chứng minh đầy đủ các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, như vậy quyết định truy tố bị cáo Phạm Xuân Đ về tội *“Trộm cắp tài sản”* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo Lê Hồng V về tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phạm Xuân Đ phạm tội *“Trộm cắp tài sản”* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo Lê Hồng V về tội *“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”* theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định.

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Điều 323 Bộ luật Hình sự quy định.

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp luật,

đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Song do lối sống buông thả, với bản chất lười lao động muốn có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy nên các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và mang đi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với bị cáo Phạm Xuân Đ Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được rằng, quyền sở hữu tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, luôn luôn được Nhà nước bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên, vì động cơ vụ lợi cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút để trộm cắp tài sản của người khác. Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu, từng bị xét xử về tội “*Cướp giật tài sản*” và tội “*Trộm cắp tài sản*” bị cáo đã không lấy đó làm bài kinh nghiệm để tu dưỡng, rèn luyện bản thân thành người công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục dần thân vào con đường phạm tội, qua đó cho thấy sự xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, đối với bị cáo cần có mức án thật nghiêm và buộc các ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định có như vậy mới đủ tính chất răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Hồng V, mặc dù bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp cùng với bị cáo Đ, nhưng sau khi biết tài sản do bị cáo Đ phạm tội mà có bị cáo đã đồng ý và tích cực tìm nơi tiêu thụ chiếc xe một tô do bị cáo Đ trộm cắp. Trước khi phạm bị cáo có nhân thân xấu đã từng bị xét xử về tội “*cố ý gây thương tích*”. Do đó, cần có mức án phù hợp, buộc cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định và mức hình phạt thấp hơn bị cáo Đ.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo Phạm Xuân Đ và Lê Hồng V, Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức: Phạt cảnh cáo, quy định tại khoản 1, Điều 21 Nghị định 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là phù hợp.

Trong vụ án này còn có Trương Vĩnh T là người điều khiển xe mô tô biển số 47B1 – 72773 chở bị cáo Đ đến địa điểm gây án, do anh T không biết việc Đ đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với T là có căn cứ.

Đối với Lê Đại D là người mua xe mô tô biển số 47M5 – 3439 từ bị cáo Lê Hồng V, khi mua D không biết xe mô tô này do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh D là đúng quy định pháp luật.

[3]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Phạm Xuân Đ khi phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, trên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng cần áp dụng cho các bị cáo trong khi lượng hình, để giảm nhẹ một phần hình phạt, đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[4]. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Kim H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết;

- Chấp nhận anh Lê Đại D đã không yêu cầu các bị cáo Phạm Xuân Đ và Lê Hồng V phải bồi thường số tiền 3.000.000đ mà anh D dùng mua xe mô tô biển số 47M5 – 3439.

Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Wave, màu vàng – đen – bạc, biển số 47M5 – 3439, quá trình điều tra xác định thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Kim H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà H là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng là phù hợp.

- Đối với 01 vạm phá khóa bằng kim loại hình chữ L, dài 8cm là là vật chứng liên quan đến vụ án cần tuyên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, gắn sim số 0944142421 bị vỡ màn hình số Imei 358757050184137 của bị cáo V và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, màu vàng số Imei 352242025467285 gắn sim số 0935730184 của bị cáo Đ, quá trình điều tra xác định có liên quan đến vụ án nên cần tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei 3573430850091265 thu giữ của bị cáo V, kết quả điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị can V nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công án thi hành án dân sự.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu xanh, số Imei 354975085457823 thu giữ của Lê Đại D, quá trình điều tra xác định không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho D nhận quản lý, sử dụng.

- Đối với số tiền 3.000.000đ của các bị cáo Phạm Xuân Đ và Lê Hồng V, số tiền này các bị cáo có được từ hành vi phạm tội mà có, do đó cần truy để sung công quỹ Nhà nước.

[5]. Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Xuân Đ và Lê Hồng V không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, các bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Xuân Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và bị cáo Lê Hồng V phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Phạm Xuân Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/4/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt: Bị cáo Lê Hồng V 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/4/2019.

* Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận bà Nguyễn Thị Kim H và anh Lê Đại D không yêu cầu các bị cáo Phạm Xuân Đ và Lê Hồng V phải bồi thường thiệt hại.

Xử lý vật chứng:

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành Buon Ma Thuot ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà H là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Wave, màu vàng – đen – bạc, biển số 47M5 – 3439.

- Tịch thu, tiêu hủy đối với 01 vạm phá khóa bằng kim loại hình chữ L, dài 8cm là vật chứng liên quan đến vụ án.

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, gắn sim số 0944142421 bị vỡ màn hình số Imei 358757050184137 của bị cáo Lê Hồng V và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar, màu vàng số Imei 352242025467285 gắn sim số 0935730184 của bị cáo Phạm Xuân Đ.

- Trả lại cho bị cáo Lê Hồng V Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, số Imei 3573430850091265, không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công án thi hành án dân sự.

- Trả lại cho anh Lê Đại D đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu xanh, số Imei 354975085457823, không liên quan đến việc phạm tội.

- Truy để sung công quỹ Nhà nước đối với số tiền 3.000.000đ của các bị cáo Phạm Xuân Đ và Lê Hồng V, do các bị cáo được hưởng lợi từ hành vi phạm tội mà có.

(Tang vật có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Công an thành phố Buon Ma Thuot và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buon Ma Thuot ngày 17/7/2018).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Xuân Đ và bị cáo Lê Hồng V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA DS Tp. BMT;
- Chánh án TAND Tp. BMT;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Y Kam Ênuôl